

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-PT
Ngày: 15- 02- 2023.
V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức
Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLPT-DS ngày 10/10/2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2022/QĐ-PT ngày 07/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2022/QĐ-PT ngày 21/11/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số: 80/TB-PT ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975; trú tại: đường Phạm Hồng Thái, tổ 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của bà T: ông Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1982; trú tại: số 01 Nguyễn Huệ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị L sinh năm 1968; trú tại: số 1054 Hùng Vương, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị Thuỳ L, sinh năm 1990; trú tại: số 1044 Hùng Vương, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn H trình bày:

Giữa bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị L có mối quan hệ quen biết nên đầu năm 2020 bà L có hỏi và vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng. Do chỗ quen biết, lúc cho vay không làm giấy tờ gì nhưng sau đó bà L không có động thái gì về việc trả nợ nên ngày 04-02-2020 bà L có viết giấy vay tiền với bà T, cùng ngày trả được 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại 400.000.000 đồng hẹn trả trong vòng 01 tháng. Do chỗ quen biết nên bà T không yêu cầu trả lãi suất, tuy nhiên từ đó đến nay bà L không chịu trả số tiền trên mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà L cứ hứa hẹn. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Từ trước đến nay bà không vay mượn bất kỳ khoản tiền nào của bà Hoàng Thị T và không ký bất kỳ giấy mượn tiền nào của bà T. Giấy mượn tiền ghi ngày 04-02-2020 mà bà T cung cấp cho Toà án không phải do bà L ký. Bằng cách nào đó, chữ ký và chữ viết trên giấy mượn tiền khá giống với chữ ký và chữ viết của bà L. Bà L có ký với bà T nhưng không nhớ có ký vào giấy mượn tiền ngày 04-02-2020 hay không. Chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị Liên không phải là của bà L, bà L cũng không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trên. Bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền trên, bà L không đồng ý vì không hề vay mượn của bà T.

Quan hệ giao dịch vay mượn thực chất là giữa bà Hoàng Thị T với chị Đặng Thị Thuỳ Linh địa chỉ liên hệ số 1054 Hùng Vương, thị trấn D, huyện D, là con gái ruột của bà L. Do chị Linh phá sản nên bà T bằng cách nào đó muốn bà L trả nợ thay cho chị Linh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thuỳ Linh trình bày: bà và bà Hoàng Thị T có mối quan hệ làm ăn với nhau, khoảng tháng 11-2018 bà có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, khi vay không viết giấy tờ, vay ngay tại cổng trường bà T dạy ở trường Võ Thị Sáu. Sau đó khoảng 3 đến 4 ngày vay tiếp của bà T 100.00.000 đồng, khi vay cũng không làm giấy tờ gì. Sau đó khoảng tầm nửa tháng vay tiếp của bà T số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần vay

là 500.000.000 đồng. Đến ngày 05-02-2020 giữa bà và bà T thỏa thuận viết giấy mượn tiền hay giấy vay tiền không nhớ rõ tiêu đề, nội dung tôi tên là Nguyễn Thị Liên có vay của cô hay chị Hoàng Thị Thu số tiền 500.000.000 đồng. Hôm nay tôi trả trước 100.000.000 đồng còn lại 400.000.000 đồng và ghi Di Linh ngày 05 tháng 02 năm 2020 ký ghi họ tên Nguyễn Thị Liên. Nay bà T khởi kiện yêu cầu mẹ của bà là bà Nguyễn Thị L trả số tiền 400.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà đề nghị xác định nợ trên là nợ chung của bà và mẹ bà. Ngoài ra giữa bà và bà T có chơi huê hụi. Bà đã đóng huê cho bà T số tiền 120.000.000 đồng nhưng bà T không trừ vào số tiền vay trên.

Bà đã được xem tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền giao nộp cho Tòa án, chữ viết trong giấy mượn tiền đúng là chị viết nhưng chữ ký ghi họ và tên Nguyễn Thị Liên là chị giả chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Thị Liên.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Toà án nhân dân huyện D,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/8/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Xuất phát từ việc ngày 04/02/2020 bà T có cho bà L vay số tiền 500.000.000 đồng cùng ngày đã trả được 100.000.000 đồng, hẹn trong vòng 1 tháng sẽ trả. Đến hạn bà L không trả cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền trên. Bị đơn bà L không thừa nhận có việc vay tiền của bà T và cho rằng đây là khoản nợ của con gái bà là Đặng Thị Thuỳ Linh nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L thấy rằng:

[2.1] Căn cứ giấy mượn tiền ghi ngày 04/02/2020 thể hiện: bà Nguyễn Thị L có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn trả trong vòng 01 tháng, cùng ngày 04/02/2020 bà L trả được 100.000.000 đồng còn lại 400.000.000 đồng chưa trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền trên và không yêu cầu bà L trả lãi, còn bà L cho rằng đây là khoản nợ của con gái bà là Đặng Thị Thuỳ Linh vay tiền của bà T, việc bà ký vào giấy vay tiền là do con bà đưa bà ký bà không biết nội dung nên các bên phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị L thừa nhận chữ ký Liên và chữ viết Nguyễn Thị Liên trong giấy vay tiền ngày 04/02/2020 bản chính do nguyên đơn xuất trình là chữ ký, chữ viết của bà. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng khoản tiền vay trên là khoản tiền vay giữa bà Đặng Thị Thuỳ Linh (con gái bà) với bà Hoàng Thị T, việc bà ký vào giấy vay nợ là do con bà viết đưa bà ký không đọc nội dung và không biết là nợ nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng, vì thực tế bà không vay số tiền này. Qua xem xét các chứng cứ là giấy vay tiền ngày 04/02/2020, thể hiện nội dung vay tiền là giữa bà T, bà L không có nội dung nào thể hiện đây là khoản vay của bà Đặng Thị Thuỳ Linh với bà Hoàng Thị T. Hơn nữa, bị đơn thừa nhận chữ ký Liên và chữ viết Nguyễn Thị Liên trong giấy vay tiền là của mình, do thương con nên đã ký vào giấy vay tiền ngày 04/02/2020 nhưng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh đây là khoản tiền vay của con gái bà là Đặng Thị Thuỳ Linh với bà T, trong khi đó nguyên đơn không thừa nhận đây là khoản vay của bà Đặng Thị Thuỳ Linh. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất của vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Tại giai đoạn phúc thẩm, bà Li cung cấp thêm tài liệu là bản sao kê chuyển tiền thể hiện việc bà Li chuyển tiền cho bà T nhưng các tài liệu này không thể hiện là chuyển tiền vào việc gì, thanh toán cho khoản nợ nào. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận bà Li có chuyển tiền cho bà T nhưng là khoản vay khác, vì giữa bà Li và bà T có rất nhiều khoản vay khác và không đồng ý trừ các khoản tiền do bà Li chuyển vào khoản tiền nợ vay giữa bà T và bà L. Do các khoản tiền này chưa được đề cập giải quyết trong vụ án nếu các bên phát sinh tranh chấp về số tiền bà Li chuyển cho bà T sau ngày ký giấy vay nợ ngày 04/02/2020 thì được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[2.4] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DSST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện D.

Xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” với bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

+ Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 11.062.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001652 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

+ Về án phí Dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm nộp theo biên lai thu số 0006778 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đức

Lê Thị Vân

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA (01);
- TAND H.Di Linh (01);
- Chi cục thi hành án dân sự H. Di Linh (01);
- Các đương sự(04);
- Lưu, án văn, hồ sơ (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

